

Bản án số: 1209/2017/HC-ST

Ngày: 14/9/2017

V/v Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại về thu hồi, bồi
thường, hỗ trợ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông
2. Ông Nguyễn Thành Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà -Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 8 và ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 83/2016/TLST-HC ngày 27 tháng 7 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1647/2017/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 4671/2017/QĐST-HC ngày 09 tháng 8 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4791/2017/QĐST-HC ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Thái Thị K, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số B13/8A ấp 2, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Ngô
Viết T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Số 339 G, thị trấn G, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Phạm Lương B, sinh năm 1978.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người khởi kiện bà Thái Thị K trình bày:

Vào thời điểm năm 2004, bà và các hộ dân bị thu hồi đất thuộc dự án 45 ha xây dựng Khu dân cư B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và đã bồi thường xong không có khiếu nại. Ngoài diện tích này, bà còn một phần đất 4.330m² thuộc thửa 71 tờ bản đồ 16, xã B có nguồn gốc do vợ chồng bà khai hoang năm 1993.

Ngày 28/5/2009, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện tiến hành kiểm kê tài sản trên phần đất 4.330 m² bị thu hồi nhưng không thực hiện chi trả bồi thường. Do bị thu hồi nhà, đất và cây trồng mà không bồi thường nên bà đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 10/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4698/QĐ-UBND có nội dung bác toàn bộ đơn khiếu nại của bà.

Theo bà, Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không có căn cứ vì:

- Không bồi thường tài sản hoa màu trên đất với lý do không có tài sản là không đúng, vì theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư C đo vẽ ngày 12/12/2004 và Biên bản ngày 28/5/2009 kiểm tra lại hiện trạng nhà đất và tài sản trên đất do Ban Bồi thường huyện C lập thì trên đất có tài sản. Ngoài ra nội dung Quyết định số 690/QĐ-CC ngày 22/4/2010 của Ủy ban nhân dân xã B có ghi nhận bà K xây dựng nhà không phép trên đất nông nghiệp chưa chuyển đổi mục đích chứ không phải lấn chiếm kênh do Nhà nước quản lý.

- Không bồi thường 4.330m² đất và nhà cửa, hoa màu với lý do lấn chiếm bờ kênh và kênh T15B do Nhà nước quản lý (bờ kênh: 1.533,1m² và kênh: 274m²). Theo Bản đồ địa chính xã B năm 2006 không có bờ kênh và kênh T15B mà chỉ là kênh, rạch nội đồng có mục đích tưới tiêu cho nông nghiệp. Theo Bản

đồ địa chính năm 2006 của huyện C kênh T15B hầu như nằm ở xã Phạm Văn Hai nhưng quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng kênh và bờ kênh T15B ở xã B là không chính xác.

- Không bồi thường đất nông nghiệp diện tích 2.523m² vì đã bồi thường cho các hộ dân khác là không đúng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, yêu cầu bồi thường 4.330m² đất và tài sản, hoa màu trên đất vì tại Biên bản ngày 28/5/2009 đã ghi nhận có tài sản trên đất.

* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản trình bày:

Ngày 02/12/2003, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5255/QĐ-UBND về việc thu hồi và tạm giao đất tại xã B huyện C cho Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị tiến hành tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư xây dựng khu tái định cư dự án nâng cấp đô thị và các công trình của huyện C.

Ngày 23/6/2006, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3520/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư B cho bà Thái Thị K do phần đất bà Kịch bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư B, tại xã B, huyện C có diện tích 13.848m² thuộc một phần thửa 71, 99 tờ bản đồ số 16 (tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã B. Ngày 01/11/2006, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6030/QĐ-UBND về việc bổ sung giá trị hỗ trợ thiệt hại cho bà Thái Thị K với diện tích 598m².

Ngày 03/7/2014, bà Thái Thị K có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện C không ban hành quyết định thu hồi và bồi thường phần đất có diện tích 4.330,10m² thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 16 xã B; không hỗ trợ hoa màu bị ảnh hưởng trong dự án khu tái định B trên phần đất 4.328,10m²

Ngày 10/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4698/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Thái Thị K với nội dung: “Bác toàn bộ nội dung đơn của bà Thái Thị K khiếu nại về việc không ban hành Quyết định thu hồi và bồi thường phần đất có diện tích 4.330,10m² thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 16 và bờ kinh (tài liệu 02/CT-UB), xã B và không hỗ trợ hoa màu gồm ao rau muống 190m², 13 cây sơ ri, 02 cây xoài; vật kiến trúc 1

căn nhà cấp 4, diện tích 142m^2 bị ảnh hưởng trong dự án khu tái định B trên phần đất $4.330,10\text{m}^2$ ”

- Đối với nội dung khiếu nại về việc không ban hành quyết định thu hồi và bồi thường phần đất có diện tích $4.330,10\text{m}^2$ thuộc thửa 71, tờ bản đồ số 16, kênh và bờ kênh (tài liệu 02/CT-UB), xã B:

Phần đất bà Thái Thị K khiếu nại có diện tích $4.330,10\text{m}^2$ thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 16, kênh và bờ kênh (tài liệu 02/CT-UB), xã B theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 227/2014/HĐ-KĐTV ngày 02/7/2014 của Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn Tài nguyên Môi trường, trong đó có một phần diện tích 2.523m^2 thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ số 16 (tài liệu 02/CT-UB) bộ địa chính xã B có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã B quản lý, các hộ dân tự chiếm sử dụng gồm các ông, bà Phan Thị Ngọc S, Nguyễn Thị L, Lại Ngọc H, Dương Văn T, Đỗ Thị T và Thái Văn L, phần diện tích còn lại thuộc bờ kênh và kênh T15B.

Theo Báo cáo số 1313/BC-UBND ngày 11/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, Công văn số 2814/BBT ngày 17/11/2014 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng và Biên bản làm việc ngày 16/7/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, thì phần đất thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ số 16 (tài liệu 02/CT-UB) bộ địa chính xã B đã được Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân Phan Thị Ngọc S, Nguyễn Thị L, Lại Ngọc H, Dương Văn T, Đỗ Thị T và Thái Văn L tự chiếm sử dụng. Phần diện tích còn lại thuộc kênh và bờ kênh T15B xã B là đất do nhà nước trực tiếp quản lý, bà K tự lấn chiếm năm 2005, năm 2008 bị Ủy ban nhân dân xã B xử phạt vi phạm hành chính.

Theo Báo cáo số 1313/BC-UBND ngày 11/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã B có nội dung “Phần kênh và bờ kênh T15B, chính kiến của Ủy ban nhân dân xã đối với phần đất (a), (b) bờ kênh diện tích $1.533,1\text{m}^2$ và kênh diện tích 274m^2 , theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 227/2014/HĐ-KĐTV ngày 02/7/2014 của Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn Tài nguyên Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố. Hiện trạng trước khi đưa vào dự án là bờ kênh và kênh, việc hộ bà K xây dựng nhà trên bờ kênh và kênh đã được Thanh tra xây dựng xã lập Biên bản số 141/BB-VPHC ngày 15/10/2008 đối với hộ bà Thái Thị K, xét thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính của bà K đã hết thời hiệu xử phạt hành chính vì vậy Ủy ban nhân dân xã B ban hành Quyết định số 1411/QĐ-KPHQ ngày 17/10/2008 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hành chính gây ra. Nội dung quyết định buộc bà K tự tháo dỡ công trình vi phạm và trả lại hiện trạng ban đầu.”

Như vậy, phần đất mà bà Thái Thị K lấn chiếm trên hành lang kênh T15B tại tổ 1, ấp 1, xã B đã được Ủy ban nhân dân xã B cưỡng chế trả lại hiện trạng ban đầu. Mặt khác, phần đất mà bà Thái Thị K lấn chiếm để xây dựng công trình trên kênh T15B không thuộc phần đất bị thu hồi để thực hiện dự án Khu tái định cư B nên không bị điều chỉnh bởi Phương án số 24/PAG-HĐBT ngày 15/01/2004 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án khu tái định cư B. Đồng thời, phần diện tích 2.523,4m² đã bồi thường và hỗ trợ cho các hộ dân khác đã có quá trình sử dụng.

Quyết định số 5255/QĐUBND ngày 02/12/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu hồi và tạm giao đất tại xã B huyện C căn cứ theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 trước ngày Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực nên không ban quyết định thu hồi đất riêng lẻ. Đồng thời, phần đất bà K khiếu nại yêu cầu bồi thường không thuộc quyền sử dụng của bà K. Do đó, việc bà Thái Thị K yêu cầu ban hành quyết định thu hồi và bồi thường phần đất có diện tích 4.330,10m² thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 16 và bờ kinh (tài liệu 02/CT-UB), xã B là không có cơ sở.

- Đối với nội dung khiếu nại không hỗ trợ hoa màu gồm ao rau muống 190m², 13 cây sơ ri, 02 cây xoài; vật kiến trúc gồm 1 căn nhà cấp 4, diện tích 142m² bị ảnh hưởng trong dự án khu tái định cư B trên phần đất 4.328,10m²:

Năm 2004 khi kiểm tra hiện trạng thì phần đất bà K khiếu nại không thể hiện cây cối, hoa màu trên đất vì thời điểm đó bà chưa sử dụng đất và không có giấy tờ chứng minh, theo Báo cáo số 1313/BC-UBND của Ủy ban nhân dân xã B thì bà sử dụng đất từ năm 2005. Do đó tại thời điểm năm 2004, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện không lập hồ sơ bồi thường cây cối và hoa màu cho bà K. Căn cứ Báo cáo số 1313/BC-UBND ngày 11/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, việc bà K cho rằng bà đã trồng cây trên phần đất có diện tích 4.330,10m² là không có cơ sở pháp lý, không có giấy tờ chứng minh và không đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2008, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện và Ủy ban nhân dân xã B xác minh bờ kênh và kênh T15B chỉ có các loại cây cối và hoa màu mà bà K khiếu nại là đất do nhà nước quản lý, bà K không chứng minh được do bà K sử dụng, do đó không bồi thường cây cối và vật kiến trúc.

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016:

Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 về thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: “Giải quyết khiếu nại

lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình”. Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Thái Thị K là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục. Đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Bản đồ địa chính năm 2006 thể hiện vị trí đất của bà Thái Thị K là đất trồng lúa và đất trồng cây lâu năm. Và theo Bản đồ địa chính năm 2002 không có kênh T15B mà chỉ có kênh dẫn nước tưới tiêu vào ruộng. Vào thời điểm bà K xây nhà năm 2002, địa bàn này được xem là vùng sâu, vùng xa nên không cần phải xin giấy phép xây dựng. Việc Ủy ban nhân dân huyện C cho là không có tài sản trên đất là không đúng vì trên đất có căn nhà đã bị cưỡng chế bằng Quyết định số 690/QĐ-CC ngày 22/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. Ngoài ra Bản vẽ ngày 12/12/2014 của Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư C thể hiện có nhà và cây trồng trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị K, hủy Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- * Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Phần đất mà bà Thái Thị K khởi kiện không thuộc dự án Khu tái định cư B. Trong tổng diện tích 4.330,10m² mà bà K yêu cầu bồi thường có 2.523m² thuộc thửa 71 có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã B quản lý nhưng bị bà Phan Thị Ngọc S, bà Nguyễn Thị L, ông Lại Ngọc H, ông Dương Văn T, bà Đỗ Thị T, ông Thái Văn L tự chiếm dụng và cũng đã chiết tính bồi thường xong cho các ông, bà trên. Còn lại 1.807,1m² là kênh và bờ kênh theo tài liệu 02/CT-UB không có sổ thửa. Bản vẽ ngày 02/7/2014 do bà K cung cấp cũng thể hiện 1.807,1m² là kênh và bờ kênh, nằm ngoài ranh dự án. Đối với phần nhà xây dựng lấn kênh năm 2005 không thuộc dự án nên không được bồi thường, hỗ trợ.

- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về phía đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

Về nội dung: Tại phần đất diện tích 2.523m² thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ 16 xã B theo Bản đồ hiện trạng vị trí thể hiện có một số hộ dân đang sử dụng phần đất này nên Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xác định đã bồi thường cho các hộ dân đang sử dụng phần đất này là đúng.

Về phần diện tích 1.807,1m², xét đất không thuộc dự án Khu tái định cư xã B đã bị bà Thái Thị K lấn chiếm kênh và bờ kênh nên bị xử lý vi phạm hành chính cưỡng chế buộc tháo dỡ, do đó không được bồi thường về đất là đúng. Về hoa màu và tài sản trên đất, bà K không có tài liệu chứng minh thời điểm tạo lập mà theo hồ sơ thể hiện bà K xây dựng và trồng hoa màu sau thời điểm lấn chiếm kênh nên theo quy định tại Điều 18, Điều 20 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 31/12/2004 của Chính phủ không đủ điều kiện bồi thường.

Việc bà Thái Thị K yêu cầu hủy Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền thụ lý và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 06/7/2016, bà Thái Thị K khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có yêu cầu xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện người bị kiện.

[3] Xét khởi kiện của bà Thái Thị K yêu cầu bồi thường 4.330m² đất và tài sản, hoa màu trên đất, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Về phần đất 4.330m²:

Phần đất mà bà Thái Thị K khởi kiện không thuộc dự án Khu tái định cư B, và các bản vẽ do bà K tự đo vẽ sau khi chủ đầu tư đã thi công nên ranh mốc không còn rõ ràng, cụ thể, đo theo sự hướng dẫn chỉ ranh của bà K. Trong tổng diện tích 4.330,10m² mà bà K yêu cầu bồi thường có 2.523m² thuộc một phần thửa 71 tờ bản đồ 16 là đất do Ủy ban nhân dân xã B đăng ký theo tài liệu 02/CT-UB, phần đất này bà K không chứng minh được có quá trình quản lý, sử dụng nên không được bồi thường, hỗ trợ là đúng.

Còn lại 1.807,1m² là kênh và bờ kênh theo tài liệu 02/CT-UB nên không có sổ thửa. Theo Bản vẽ ngày 02/7/2014 do bà K cung cấp cũng thể hiện 1.807,1m² là kênh và bờ kênh, nằm ngoài ranh dự án. Tại Báo cáo số 1313/BC-UBND ngày 11/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã B xác định phần kênh diện tích 274m² và bờ kênh diện tích 1.533,1m², một phần diện tích này đã có Quyết định số 1411/QĐ-CC ngày 17/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc bà K tháo dỡ phần xây dựng trả lại hiện trạng lấn chiếm. Sau đó bà K khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1411/QĐ-CC ngày 17/10/2008, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 2375/2009/HCPT ngày 11/12/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định phần đất bên trên có căn nhà diện tích 145,2m² là nhà xây dựng không phép năm 2005 trên đất lấn chiếm kênh rạch, việc xây dựng nhà trước hoặc sau năm 2003 đều là hành vi vi phạm hành lang bảo vệ kênh T15B nên đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà K. Điều này phù hợp với Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 02/7/2014 của Trung tâm Kiểm định bản đồ và Tư vấn Tài nguyên Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện vị trí đất bờ kênh (a) diện tích 1.533,1m² và kênh (b) diện tích 274m².

Mặt khác, phần đất mà bà Thái Thị K lấn chiếm để xây dựng công trình trên kênh T15B không thuộc phần đất bị thu hồi để thực hiện dự án Khu tái định cư B nên không bị điều chỉnh bởi Phương án số 24/PAG-HĐBT ngày 15/01/2004 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Khu tái định cư B.

Như vậy phần đất 4.330,1m² trong đó có 2.523m² bà K không chứng minh được có quá trình quản lý, sử dụng và 1.807,1m² là kênh và bờ kênh bà K chiếm dụng năm 2005 nên không được bồi thường, hỗ trợ là đúng.

Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị đo vẽ toàn bộ dự án 45 ha Khu tái định cư B, xét hiện nay dự án đã

nghiệm thu và triển khai thực hiện xây nền tái định cư và bàn giao căn hộ cho người dân sử dụng nên ranh mốc xây dựng cũ của các hộ dân không còn theo hiện trạng cũ. Do đó việc đo vẽ là không thể thực hiện và không cần thiết, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] Về bồi thường tài sản và hoa màu trên đất:

Căn cứ Báo cáo số 1313/BC-UBND ngày 11/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã B, việc bà K cho rằng bà đã trồng cây trên phần đất có diện tích 4.330,10m² là không có cơ sở pháp lý, không có giấy tờ chứng minh và không đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2008, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện và Ủy ban nhân dân xã B xác minh bờ kênh và kênh T15B chỉ có các loại cây cối và hoa màu mà bà K khiếu nại là đất do nhà nước quản lý. Đối với phần nhà xây dựng trên kênh năm 2005 không thuộc dự án nên không được bồi thường, hỗ trợ. Tại phiên tòa bà K thừa nhận xây dựng nhà không xin phép, không thông báo việc xây dựng với chính quyền địa phương.

Tại Quyết định số 1411/QĐ-CC ngày 17/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đã áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc bà K tháo dỡ phần xây dựng trả lại hiện trạng lấn chiếm. Sau khi bà K khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1411/QĐ-CC ngày 17/10/2008, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 2375/2009/HCTP ngày 11/12/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định phần đất bên trên có căn nhà diện tích 145,2m² là nhà xây dựng không phép năm 2005 trên đất lấn chiếm kênh rạch, việc xây dựng nhà trước hoặc sau năm 2003 đều là hành vi vi phạm hành lang bảo vệ kênh T15B nên đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà K. Như vậy là phần nhà không được công nhận và không được phép tồn tại trên đất kênh rạch theo xác định của bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Phần xây dựng này đã bị cưỡng chế trả lại hiện trạng ban đầu theo Quyết định số 690/QĐ-CC ngày 22/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. Do đó, việc bà K yêu cầu bồi thường phần nhà đã bị xử lý bằng biện pháp cưỡng chế buộc tháo dỡ là không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, vào thời điểm năm 2004 khi kiểm tra hiện trạng thì phần đất bà K khiếu nại không thể hiện cây cối, hoa màu trên đất vì theo Báo cáo số 1313/BC-UBND của Ủy ban nhân dân xã B bà K sử dụng đất từ năm 2005. Do đó, không bồi thường hoa màu và vật kiến trúc đã bị buộc tháo dỡ do xây dựng trên kênh, bờ kênh là đúng quy định.

Xét ý kiến của Luật sư bà K đề nghị áp dụng Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo hướng có lợi cho bà K, Hội đồng xét xử nhận thấy vấn đề này được đại diện người bị kiện giải thích trường hợp bà K lấn chiếm kênh năm 2005 tức sau ngày 01/7/2004 thì không được tính hỗ trợ. Giải thích này phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, nhận thấy khởi kiện của bà Thái Thị K là không có căn cứ chấp nhận, nghĩ nên bác yêu cầu.

[4] Về án phí:

Do vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí. Bà Thái Thị K bị bác yêu cầu khởi kiện nên phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác khởi kiện của bà Thái Thị K yêu cầu hủy Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Thái Thị K phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 03178 ngày 27/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thái Thị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Trần Thị Lệ Uyên

